

Số: 137 /TB-CĐĐS

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2026

## THÔNG BÁO

**Về kết quả xét duyệt nâng bậc lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn 6 tháng đầu năm 2026 cho cán bộ, viên chức và người lao động**

Kính gửi: Các đơn vị trong toàn Trường

Căn cứ Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31 tháng 7 năm 2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước kỳ hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và Quyết định số 1023/QĐ-ĐS ngày 31/7/2013 của Đường sắt Việt Nam về việc ban hành Quy chế nâng ngạch, nâng bậc và chuyển xếp lương đối với viên chức quản lý chuyên trách và người lao động;

Căn cứ Quy chế nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn, nâng ngạch, chuyển xếp lương đối với cán bộ, viên chức và người lao động của Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành kèm theo Quyết định số 351/QĐ-CĐNĐS ngày 25/4/2016.

Ngày 11 tháng 3 năm 2026 Hội đồng lương Nhà trường đã họp xét duyệt nâng bậc lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn 6 tháng đầu năm 2026 cho cán bộ, viên chức và người lao động. Sau khi xem xét thời gian giữ bậc lương và thành tích đã đạt được trong việc thực hiện nhiệm vụ công tác được giao Hội đồng lương nhà trường nhất trí thông qua kết quả họp xét duyệt sau:

### **I- Nâng bậc lương thường xuyên 6 tháng đầu năm 2026 cho 24 người:**

Hội đồng lương nhất trí đề nghị nâng bậc lương thường xuyên cho 24 ông (bà) đạt đủ các tiêu chuẩn qui định: Hoàn thành nhiệm vụ được giao, không vi phạm kỷ luật lao động, đủ thời gian nâng bậc lương theo quy định.

Trong đó khu vực Hà Nội 14 người, Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Đà Nẵng 04 người, Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Phía Nam 06 người (Có danh sách kèm theo).

### **II- Xét đề nghị hưởng phụ cấp Thâm niên vượt khung 6 tháng đầu năm 2026 cho 20 trường hợp:**

Hội đồng nhất trí đề nghị nâng mức hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung cho 20 trường hợp đạt đủ tiêu chuẩn theo quy định (có danh sách kèm theo).

Lưu ý: Quyết định nâng lương được xét tại thời điểm đối với từng cá nhân.

Vậy Hiệu trưởng thông báo đến toàn thể CB, GV, NV trong trường biết, mọi ý kiến (nếu có) yêu cầu liên hệ đ/c Mai Thị Vân (phòng TC-HC) thời gian trước ngày 19 tháng 3 năm 2026 ./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- ĐU;
- BGH;
- CĐ;
- Lưu: TC-HC; VT.



**HIỆU TRƯỞNG**

**TS. Trương Trọng Vương**

**DANH SÁCH CB, GV, NV TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT**  
**ĐỀ NGHỊ NÂNG LƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026**

(Kèm theo thông báo số ~~131~~ /TB-CĐĐS, ngày ~~12~~ tháng 5 năm 2026 của Trường Cao đẳng Đường sắt)

STT	Họ và tên	Chức danh	Hệ số lương đang hưởng						Đề nghị nâng bậc						Ghi chú
			Ngạch lương	Mã ngạch	Bậc lương	Hệ số	Thời gian hưởng	Ngạch lương	Mã ngạch	Bậc lương	Hệ số	Thời gian hưởng			
1	Trương Trọng Vương (12/5/1977)	Hiệu trưởng													
2	Đặng Thị Phương Thu (01/01/1975)	Giảng viên, TT NCC&CG KHCN	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính thuyết (hạng III)	V.09.02.03	8/9	4.65	02/2023	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	9/9	4.98	02/2026			
3	Nguyễn Tiên Thành (01/02/1986)	Chuyên viên, phòng Công tác HSSV	Viên chức loại A1	01.003	5/9	3.66	3/2023	Viên chức loại A1	01.003	6/9	3.99	3/2026			
4	Lê Đại Thắng (15/8/1975)	Giảng viên, phòng Công tác HSSV	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	5/9	3.66	3/2023	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	6/9	3.99	3/2026			
5	Nguyễn Thị Hồng (23/10/1990)	Giảng viên, Khoa Văn tài - Kinh tế	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	4/9	3.33	4/2023	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	5/9	3.66	4/2026			
6	Trần Thị Liên (21/3/1983)	Giảng viên, Khoa TTTT-Điện	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	5/9	3.66	4/2023	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	6/9	3.99	4/2026			
7	Cao Xuân Uy (18/4/1973)	Chuyên viên, phòng QLTB & XDCB	Viên chức loại A1	01.003	8/9	4.65	4/2023	Viên chức loại A1	01.003	9/9	4.98	4/2026			
8	Nguyễn Thị Mai Xoan (10/01/1973)	Chuyên viên, phòng Tổ chức - Hành chính	Viên chức loại A1	01.003	8/9	4.65	4/2023	Viên chức loại A1	01.003	9/9	4.98	4/2026			
9	Lài Thị Phương Chi (29/6/1986)	Tổ trưởng, Tổ vệ sinh môi trường, phòng TCHC	Viên chức loại A1	16.120	4/9	3.33	4/2023	Viên chức loại A1	16.120	5/9	3.66	4/2026			

STT	Họ và tên	Chức danh	Hệ số lương đang hưởng					Đề nghị nâng bậc					Ghi chú
			Ngạch lương	Mã ngạch	Bậc lương	Hệ số	Thời gian hưởng	Ngạch lương	Mã ngạch	Bậc lương	Hệ số	Thời gian hưởng	
10	Dương Thanh Phương (03/01/1978)	Giám đốc Trung tâm Tư vấn - Giáo dục nghề nghiệp	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	7/9	4.32	5/2023	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	8/9	4.65	5/2026	
11	Lê Thị Thủy Vân (04/10/1979)	Chuyên viên, Trung tâm Tư vấn - Giáo dục nghề nghiệp	Viên chức loại A1	01.003	5/9	3.66	5/2023	Viên chức loại A1	01.003	6/9	3.99	5/2026	
12	Trương Hoàng Tung (19/12/1987)	Phó Giám đốc trung tâm NCC&CG KHICN	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	5/9	3.66	5/2023	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	6/9	3.99	5/2026	
13	Nguyễn Ngọc Tú (25/12/1991)	Chuyên viên, trung tâm NCC&CG KHICN	Viên chức loại A1	01.003	1/9	2.34	6/2023	Viên chức loại A1	01.003	2/9	2.67	6/2026	
	<b>II- Phân hiệu CDBS Đà Nẵng</b>												
14	Lê Thị Minh Phương (05/11/1983)	Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Đà Nẵng	Viên chức loại A1	01.003	5/9	3.66	01/2023	Viên chức loại A1	01.003	6/9	3.99	01/2026	
15	Nguyễn Văn Đậu (18/6/1981)	Giảng viên, Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Đà Nẵng	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	6/9	3.99	3/2023	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	7/9	4.32	3/2026	
16	Trần Danh Minh (09/9/1974)	Giảng viên, Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Đà Nẵng	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	7/9	4.32	4/2023	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	8/9	4.65	4/2026	
17	Nguyễn Thanh Hải (08/7/1972)	Phó trưởng khoa, kiểm tra phòng bộ môn Văn tài kinh tế III Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Đà Nẵng	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	7/9	4.32	4/2023	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	8/9	4.65	4/2026	
	<b>III- Phân hiệu CDBS Phía Nam</b>												

STT	Họ và tên	Chức danh	Hệ số lương đang hưởng					Đề nghị nâng bậc					Ghi chú
			Ngạch lương	Mã ngạch	Bậc lương	Hệ số	Thời gian hưởng	Ngạch lương	Mã ngạch	Bậc lương	Hệ số	Thời gian hưởng	
18	Nguyễn Tài Dũng (26/10/1972)	Phó giám đốc TTĐT KT&NV ĐS Sài Gòn	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	7/9	4.32	02/2023	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	8/9	4.65	02/2026	
19	Đậu Văn Hùng (10/10/1969)	Giám đốc Phân hiệu CBDS phía Nam	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	8/9	4.65	5/2023	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	9/9	4.98	5/2026	
20	Phạm Thị Thu Thủy (01/09/1977)	Kế toán viên, Phân hiệu CBDS phía Nam	Kế toán viên	06.031	8/9	4.65	5/2023	Kế toán viên	06.031	9/9	4.98	5/2026	
21	Nguyễn Hữu Tâm (19/05/1978)	Giảng viên, Phân hiệu CBDS phía Nam	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	8/9	4.65	5/2023	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	9/9	4.98	5/2026	
22	Nguyễn Thị Hải Hà (10/04/1979)	Giảng viên, Phân hiệu CBDS phía Nam	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	8/9	4.65	6/2023	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	9/9	4.98	6/2026	
23	Trần Thị Thu Hà (26/02/1976)	Giảng viên, Phân hiệu CBDS phía Nam	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	8/9	4.65	6/2023	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	9/9	4.98	6/2026	
-	<b>B - Nâng lương thường xuyên 24 tháng</b>												
	<b>I - Khu vực Hà Nội</b>												
24	Đào Quang Thêm (28/7/1971)	Nhân viên bảo vệ, Trung tâm đào tạo KT&NV ĐS Mê Linh	Nhân viên bảo vệ	01.011	10/12	3.12	02/2024	Nhân viên bảo vệ	01.011	11/12	3.30	02/2026	
	<b>II - Phân hiệu CBDS Đà Nẵng</b>												
	<b>C-Nâng lương trước thời hạn</b>												
	<b>I-Bộ phận Hà Nội</b>												
	<b>D-Chuyển xếp lương</b>												

DANH SÁCH CB, GV, NV TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT ĐỀ NGHỊ XÉT HƯỞNG PHỤ CẤP TNNVK 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo thông báo số 137 /TB-CDDĐS, ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Trường Cao đẳng Đường sắt)

STT	Họ và tên	Chức danh	Mã ngạch	Hệ số Lương	Tỷ lệ % TNNVK đang hưởng	Tỷ lệ TNNVK mới	Thời điểm tính hưởng PCTNNVK	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	<b>Khu vực Hà Nội</b>							
1	Trần Minh Thụ (11/12/1970)	Trưởng phòng Kiểm định Chất lượng Đào tạo	V.09.02.03	4.98	10%	11%	01/2026	
2	Nguyễn Đức Vân (20/6/1965)	Chuyên viên, Trung tâm đào tạo KT&NV DS Mê Linh	01.003	4.98	8%	9%	3/2026	
3	Đặng Thị Minh Nhâm (17/9/1972)	Chuyên viên phòng Đào tạo	01.003	4.98	5%	6%	4/2026	
4	Lương Thị Nga (16/9/1973)	Phó trưởng phòng Tài chính - Kế toán	06.031	4.98	5%	6%	4/2026	
5	Phạm Thị Nam (29/11/1975)	Nhân viên phục vụ, Trung tâm đào tạo KT&NV DS Mê Linh	01.009	2.98	14%	15%	4/2026	
6	Đỗ Văn Na (11/4/1969)	Nhân viên bảo vệ, Trung tâm đào tạo KT&NV DS Mê Linh	01.011	3.48	8%	9%	4/2026	
7	Vũ Bạch Dương (11/10/1972)	Nhân viên phòng QLTBXDCB	01.007	3.63	7%	8%	4/2026	
8	Phan Thị Thu Hương (17/9/1973)	Phó hiệu trưởng	V.09.02.03	4.98	6%	7%	5/2026	
9	Trần Đức Hoàng (28/01/1968)	Trưởng phòng QLTB&XD CB	V.09.02.03	4.98	5%	6%	5/2026	
II	<b>Phân hiệu CDDĐS Đà Nẵng</b>							

STT	Họ và tên	Chức danh	Mã ngạch	Hệ số Lương	Tỷ lệ % TNVK đang hưởng	Tỷ lệ TNVK mới	Thời điểm tính hưởng PCTNPK	Ghi chú
10	Nguyễn Thị Hòa (06/7/1974)	Nhân viên phục vụ, Văn phòng PHDN	01.009	2.98	12%	13%	4/2026	
11	Trương Quang Bắc (12/7/1965)	Nhân viên bảo vệ, Văn phòng Phân hiệu ĐN	01.011	3.48		5%	4/2026	
<b>III Phân hiệu CDDĐS Phía Nam</b>								
12	Trần Doãn Vạn (25/02/1966)	Tổ trưởng Tổ bảo vệ	01.011	3.48	10%	11%	01/2026	
13	Phạm Hùng Đính (20/05/1971)	Nhân viên bảo vệ, Văn phòng Phân hiệu	01.011	3.48	15%	16%	01/2026	
14	Nguyễn Khắc Hiếu (13/1/1964)	Nhân viên, Trung tâm đào tạo KT&NV ĐS Sài Gòn	01.008	4.89	15%	16%	01/2026	
15	Nguyễn Hữu Cường (03/4/1980)	Lái xe, Văn phòng Phân hiệu	01.010	4.03	6%	7%	01/2026	
16	Hoàng Kim Nhung (10/10/1972)	Tổ trưởng tổ Y tế, VS và MT	16.119	4.06	20%	21%	02/2026	
17	Lê Văn Nam (01/01/1965)	Giảng viên Phân hiệu CDDĐS Phía Nam	V.09.02.03	4.98	16%	17%	4/2026	
18	Đoàn Văn Kháng (09/4/1970)	Giảng viên, bộ phận Đào tạo - QL HSSV II	V.09.02.03	4.98	8%	9%	4/2026	
19	Nguyễn Thị Nghĩa (02/9/1971)	Nhân viên, Trung tâm Đào tạo Lái xe	06.032	4.06	8%	9%	4/2026	
20	Đình Thị Hải Yến (12/12/1978)	Nhân viên phục vụ, VP Phân hiệu	01.009	2.98	9%	10%	5/2026	